

PHƯƠNG THỨC CẤU TẠO TỪ BẰNG PHỤ TỔ TRONG TIẾNG BHNONG

Bùi Đăng Bình^{1*}

¹*Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

* Email: bdbinhlinguistics@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/09/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 26/10/2023

Ngày chấp nhận đăng: 15/11/2023

TÓM TẮT

Đây là một nghiên cứu ngôn ngữ học về phương thức cấu tạo từ bằng phụ tố của tiếng Bhnong hiện nay ở huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam. Những từ được cấu tạo bằng phương thức này được gọi là từ phái sinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, một từ phái sinh tiếng Bhnong hiện nay có cấu tạo bao gồm ít nhất một chính tố và một phụ tố. Tiếng Bhnong có hai loại phụ tố: tiền tố và trung tố, trong đó có bốn tiền tố **pa (paq)**, **ta**, **xa**, **ung** và một trung tố **an**. Tư liệu tiếng Bhnong nói chung với khoảng 5.000 từ và nhiều câu các loại được chúng tôi thu thập trực tiếp tại các làng người Bhnong nói tiếng Kadhot ở huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam qua nhiều đợt điều tra điền dã dài ngày suốt từ năm 2007 đến nay, bởi vì tiếng Bhnong ở các làng này được các cán bộ lão thành cách mạng và các trí thức người Bhnong xác nhận là phát âm chuẩn của tiếng Bhnong. Các phương pháp, thủ pháp được sử dụng trong nghiên cứu này là quan sát, ghi chép, điền dã thu thập tư liệu tiếng Bhnong và miêu tả, phân tích tư liệu thu thập và trình bày kết quả nghiên cứu.

Từ khóa: phụ tố, tiền tố, trung tố, tiếng Bhnong, từ phái sinh.

METHOD FOR WORD FORMATION IN BHNONG LANGUAGE USING AFFIXES

ABSTRACT

This is a linguistic study of derivative words in the Bhnong ethnic minority language spoken in the Phuoc Son mountainous district in Quang Nam province in the centre of Vietnam. Derivative words are those which are formed by at least a root plus an affix. The research results have shown that Bhnong has two types of affixes which the first one is a prefix added to the beginning of a root, and the second is an infix inserting inside the root to make a word have new meaning(s). There are four prefixes **pa (paq)**, **ta**, **xa** and **ung**, and an infix **an** found. The Bhnong ethnic language data have been collected at different times since 2007 in Kadhot Mâng village in Phuoc My commune in Phuoc Son mountainous district in Quang Nam province in the centre of Vietnam because the Bhnong pronunciations spoken here are considered standard by some Bhnong ethnic elites. The methods and techniques which were used in this study were observation and recording to collect data. The description method was selected for data analysis.

Keywords: affix, Bhnong language, derivative words, infix, prefixes.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Người Bhnong trong các tài liệu tiếng Việt ở Việt Nam được xem là một trong bốn nhóm tộc người địa phương cùng với các nhóm tộc người Giê, Triêng, Ve thuộc dân tộc Giê-Triêng (Tổng Cục Thống kê, 1979). Tộc danh Bhnong đã được viết khác nhau: Bhnong (Bùi Đăng Bình, 2011a, 2012, 2013, 2020a, 2022a), Pơ-noong (Hồ Xuân Kiều, 1988), Bh'noong (Nguyễn Văn Thanh, 2006), Banoong và Ba Noong (Vũ Đình Lợi, 1978, 1979), Giang – Rẫy (Nguyễn Văn Lợi, 1977). Trong các cách gọi thì Giang – Rẫy là tên hai vị anh hùng người Bhnong đã có công lãnh đạo người Bhnong đứng lên đánh giặc Pháp. Các tên khác Ponoong, Bh'noong, Banoong, Bhnong đều ghi theo phát âm bản ngữ Bhnong. Theo phát âm của tiếng Bhnong ở plây Kadhot Măng hiện nay ở thôn 2, xã Phước Mỹ, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, tộc danh này được phát âm là /bnoŋ/ và chúng tôi viết là Bhnong theo chữ viết Bhnong (Bùi Đăng Bình, 2011a, 2011b, 2022b).

Ở huyện Phước Sơn, người Bhnong sống ở 11 xã và một thị trấn: các xã Phước Lộc, Phước Thành, Phước Kim, Phước Công, Phước Chánh, Phước Mỹ, Phước Năng, Phước Đức, Phước Hiệp, Phước Hòa, Phước Xuân và thị trấn Khâm Đức. Ở huyện Trà My, số người Bhnong là khoảng 2.000, định cư tại hai xã Trà Bui và Trà Leng. Ở huyện Hiệp Đức, họ có khoảng 1.200 người cư trú tại 7/12 thôn của xã Phước Trà.

Cho đến nay đã có một số nghiên cứu dân tộc học về người Bhnong của tác giả Vũ Đình Lợi (1978, 1979). Nhiều khía cạnh văn hóa xã hội tộc người Bhnong đã được làm rõ trong đó đáng chú ý là đời sống văn hóa, xã hội, nếp sống sinh hoạt, sản xuất... của người Bhnong và vị trí của người Bhnong trong mối quan hệ với các nhóm tộc người địa phương khác Giê, Triêng, Ve. Năm 1979, dựa trên bảy tiêu chí khác nhau như đã được phát biểu ở trong thông báo dân tộc học *Về nhóm người gọi là “Banoong” ở Quảng Nam – Đà Nẵng*, Vũ Đình Lợi đã cho rằng Bhnong là một bộ phận của cộng đồng Giê-Triêng.

Cho đến nay tiếng Bhnong và một số vấn đề liên quan đã được giới ngôn ngữ học chú ý và nghiên cứu theo ba hướng: thứ nhất, miêu tả đồng đại cấu trúc ngôn ngữ của tiếng Bhnong như miêu tả ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chữ viết (xem Bùi Đăng Bình 2011a, 2011c, 2011d, 2012, 2013, 2020b; Hoàng Văn Ma 2011); thứ hai, xác định vị trí của tiếng Bhnong trong các ngôn ngữ Bahnar (Nguyễn Văn Lợi, 1977; Nguyễn Hữu Hoàn, 2004); thứ ba, nghiên cứu thái độ ngôn ngữ của người Bhnong góp phần xác định thành phần dân tộc, thành phần ngôn ngữ Giê-Triêng (Đoàn Văn Phúc, 2013).

Các nghiên cứu ngôn ngữ học về cấu trúc ngôn ngữ của tiếng Bhnong (Bùi Đăng Bình, 2011a, 2011e, 2012, 2013, 2020b, 2022c; Hoàng Văn Ma, 2011) cho thấy tiếng Bhnong có phương thức cấu tạo từ bằng phụ tố tạo thành lớp *từ phái sinh*. Bài này là một nghiên cứu tiếp theo của tác giả về từ phái sinh của tiếng Bhnong ở ba bình diện *cấu tạo, nghĩa và hoạt động hành chức* của chúng trong câu để làm rõ phương thức cấu tạo từ bằng phụ tố khác với các phương thức cấu tạo từ khác như thế nào trong tiếng Bhnong hiện nay. Tác giả phân biệt *tiền tố* và *tiền âm tiết* vì xét về hình thức ngữ âm chúng giống nhau trong đó tiền tố là hình vị cấu tạo từ và có ý nghĩa từ vựng bổ sung hoặc ý nghĩa ngữ pháp, còn tiền âm tiết là hình thức ngữ âm của từ. *Từ phái sinh* là những từ được cấu tạo bằng phương thức phụ tố bao gồm một *chính tố* cộng với một *phụ tố*. Có nhiều loại phụ tố khác nhau *tiền tố, trung tố, hậu tố, liên tố* căn cứ vào vị trí xuất hiện của phụ tố trong mối tương quan với chính tố ở trong từ. Có thể coi tiếng Bhnong là một *ngôn ngữ đơn lập có phụ tố* bởi vì nó có lớp từ được cấu tạo bằng phương thức phụ tố.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng tư liệu là những từ phái sinh và những câu chứa từ phái sinh tiếng Bhnong ở các làng người Bhnong được tác giả nghe trực tiếp, ghi chép, phân tích ngay khi thu thập tại thực địa và sau đó.

Cộng tác viên (CTV) là những người Bhnong bản ngữ thuộc hai giới tính nam và nữ, tuổi từ 20 trở lên. Tại mỗi làng người Bhnong, chúng tôi chọn 02 CTV, tổng cộng 10 CTV ở 05 làng (05 nam và 05 nữ).

Nghiên cứu đã sử dụng một số phương pháp và thủ pháp nghiên cứu sau:

- Thứ nhất là phương pháp hỏi. Chúng tôi thiết kế các bảng hỏi bằng tiếng Việt và trực tiếp hỏi CTV người Bhnong những từ/ ngữ tiếng Bhnong tương ứng và dùng chữ viết Bhnong để ghi lại bởi vì hiện nay có rất nhiều người Bhnong thông thạo hai ngôn ngữ Việt và Bhnong, và Bhnong và Việt. Bảng hỏi bao gồm những cặp từ có các quan hệ ngữ pháp khác nhau, ví dụ: 1 – Các cặp từ quan hệ nhân – quả trong đó có một từ chỉ hành động và một từ chỉ kết quả của hành động, ví dụ: làm chết – chết, làm đầy – đầy, làm mỏng – mỏng, làm cong – cong, làm gãy – gãy, làm tròn – tròn, v.v.; 2 – Các cặp từ quan hệ tương hỗ chỉ tương tác qua lại giữa hai hành động, ví dụ: đánh – đánh nhau, yêu – yêu nhau, cắn – cắn nhau, giết – giết nhau, v.v.; 3 – Các cặp từ có quan hệ hành động – công cụ để thực hiện hành động, ví dụ: khiêng – cái đòn khiêng, quạt – cái quạt, xia (răng) – cái tăm, bay – cái cánh, bắn – cái ná, v.v... Phương pháp hỏi hay phỏng vấn được chúng tôi dùng để thu thập tư liệu tiếng Bhnong nói chung và các từ phái sinh tiếng Bhnong nói riêng.

- Thứ hai là phương pháp thử và sai để làm sạch tư liệu. Chúng tôi chủ ý tạo ra những từ phái sinh tiếng Bhnong sai cả về cấu tạo, ý nghĩa, và ngữ pháp và nói chúng cho các CTV người Bhnong nghe để họ chữa thành đúng.

- Thứ ba là phương pháp miêu tả dùng để phân tích các từ phái sinh tiếng Bhnong ở các bình diện cấu tạo, ý nghĩa, và ngữ pháp ở cả hai hình thức tách rời và trong hội thoại tiếng Bhnong, sau đó, quy chúng vào các nhóm cùng gốc từ để xác định phụ tố gì được dùng trong từng từ phái sinh.

- Cuối cùng là phương pháp tổng – phân và tiếng Việt để trình bày các kết quả nghiên cứu dưới dạng bài viết.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Từ phái sinh tiếng Bhnong xét ở bình diện cấu tạo

Bảng 1. Những từ phái sinh tiếng Bhnong có cấu tạo theo mô hình tiền tố *pa* (*paq*) cộng với một chính tố

Cấu tạo từ phái sinh tiếng Bhnong				
Tiền tố tiếng Bhnong	Chính tố tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt	Từ phái sinh tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt
	chhêl	'nhăn / nhăn'	pachhêl	'làm nhăn / nhăn'
	xangay	'xa'	paqxangay	'làm xa'
	anenh	'gần'	paanenh	'làm gần'
	gọng	'cong'	pagọng	'làm cong'
pa (paq)	bhahol	'bóng'	pabhahol	'làm bóng'
	tạng	'mỏng'	patạng	'làm mỏng'
	rêng	'nhỏ'	parêng	'làm nhỏ'
	zuông	'dậy'	pazuông	'nâng/ đỡ dậy'
	xahnọn	'ngồi'	paxahnọn	'đặt ngồi'
	rao	'rửa'	paraw	'rửa cho'

Các từ phái sinh trong tiếng Bhnong hiện nay có thể được phân thành hai nhóm xét về mặt cấu tạo. Nhóm 1 là những từ phái sinh được cấu tạo bằng một tiền tố cộng với một chính tố. Nhóm 2 là những từ phái sinh được cấu tạo bằng một trung tố cộng với một chính tố.

Có ít nhất bốn tiền tố **pa (paq)**, **ta**, **xa**, và **ung** được chúng tôi tìm thấy ở những từ phái sinh có mô hình cấu tạo tiền tố + chính tố như trong các ví dụ dưới đây.

Ví dụ 1 – Những từ phái sinh có cấu tạo gồm tiền tố **pa (paq)** và một chính tố được thể hiện trong Bảng 1. Ở đây **pa** và **paq** là hai biến thể ngữ âm của một tiền tố trong đó **pa** có tần số xuất hiện cao hơn nhiều so với **paq** mà chứng cứ là xuất hiện ở hàng loạt từ. Vì vậy, **pa** có thể được coi là biến thể chuẩn, còn **paq** là biến thể mang tính phương ngữ hay có thể là kết quả của biến đổi ngữ âm lịch sử nào đó trong tiếng Bhnong.

Ví dụ 2 – Những từ phái sinh có cấu tạo gồm tiền tố **ta** và một chính tố được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Những từ phái sinh tiếng Bhnong có cấu tạo theo mô hình tiền tố *ta* cộng với một chính tố

Cấu tạo từ phái sinh tiếng Bhnong				
Tiền tố tiếng Bhnong	Chính tố tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt	Từ phái sinh tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt
ta	bhrel	'nhanh'	tabhrel	'làm nhanh'
	ping	'đầy'	taping	'làm đầy'
	pên	'sống'	tapên	'làm sống'
	bhaq	'mang'	tabhaq	'mang cho'
	goyh	'gây / gây'	tagoyh	'làm gây / gây'
	xek	'xé'	taxek	'bắt xé'
	puyh	'nóng'	tapuyh	'làm nóng'
	bhol	'dày/ dày'	tabhol	'làm dày/ dày'

Ví dụ 3 – Những từ phái sinh có cấu tạo gồm tiền tố **xa** và một chính tố được thể hiện trong Bảng 3. Trong ba tiền tố **pa(pa)**, **ta**, **xa** thì tiền tố thứ nhất **pa(pa)** có sức sản sinh cao hơn cả còn tiền tố **xa** hoạt động rất yếu (theo tư liệu của chúng tôi, có không quá năm từ phái sinh được cấu tạo bằng tiền tố này), đã cấu tạo nên hàng loạt từ phái sinh trong tiếng Bhnong.

Bảng 3. Những từ phái sinh tiếng Bhnong có cấu tạo theo mô hình tiền tố *xa* cộng với một chính tố

Cấu tạo từ phái sinh tiếng Bhnong				
Tiền tố tiếng Bhnong	Chính tố tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt	Từ phái sinh tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt
xa	pêq	'đánh'	xapêq	'đánh nhau'
	kap	'cắn'	xakap	'cắn nhau'

Ví dụ 4 – Những từ phái sinh có cấu tạo gồm tiền tố **ung** và một chính tố được thể hiện trong Bảng 4. Theo quan sát của chúng tôi, tiền tố **ung-** tiếng Bhnong chỉ xuất hiện trong kết hợp với các chính tố là các đại từ chỉ định để tạo thành các từ phái sinh có nghĩa chỉ trở. Chúng tôi sẽ trình bày chi tiết về vấn đề này ở dưới đây (mục 2. Từ phái sinh tiếng Bhnong xét ở bình diện ngữ nghĩa).

Tiếng Bhnong hiện nay chỉ có một trung tố **an** xuất hiện chêm vào giữa chính tố, tách chính tố thành hai nửa: phụ âm đầu và vần. Xét các ví dụ như trong Bảng 5.

3.2. Từ phái sinh tiếng Bhnong xét ở bình diện ngữ nghĩa

Nghĩa của từ phái sinh tiếng Bhnong được tạo thành từ sự kết hợp nghĩa từ vựng và/ hoặc nghĩa từ vựng bổ sung và nghĩa ngữ pháp. Các chính tố mang nghĩa từ vựng, còn các phụ tố (tiền tố, trung tố) mang nghĩa từ vựng bổ sung và/ hoặc nghĩa ngữ pháp.

Bảng 4. Những từ phái sinh tiếng Bhnong có cấu tạo theo mô hình tiền tố *ung-* cộng với một chính tố

Cấu tạo từ phái sinh tiếng Bhnong				
Tiền tố tiếng Bhnong	Chính tố tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt	Từ phái sinh tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt
ung	ô	'đây'	ung ô	' <i>đây là</i> (trò vật ở bên tay trái người nói)'
	hạu	'kia'	ung hạu	' <i>kia là</i> (trò vật ở bên tay phải người nói)'
	lông	'kia'	ung lông	' <i>kia là</i> (trò vật ở phía trước mặt người nói)'
	tiêh	'kia'	ung tiêh	' <i>kia là</i> (trò vật ở phía sau lưng người nói)'
	i		ung i	' <i>kia là</i> (trò vật ở rất gần ngay trước mặt người nói)'

Bảng 5. Những từ phái sinh tiếng Bhnong có cấu tạo theo mô hình trung tố *an* cộng với một chính tố

Chính tố tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt	Trung tố tiếng Bhnong	Từ phái sinh tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt
paur	'bay (động từ)'	an	panaur	'(cái) cánh'
penh	'bắn'		panenh	'(cái) nã'
tôt	'xỉa (răng)'		tanôt	'(cái) tăm (xỉa răng)'
tuông	'không bằng đòn'		xanuông	'(cái) đòn không'
pôy	'quạt (động từ)'		panôy	'(cái) quạt'
pâng	'đục (động từ)'		panâng	'(cái) đục'
chhur	'xuống'		chhanur	'(cái) dốc xuống'
đhâk	'lên'		chhanâk	'(cái) dốc lên'

Nhìn dưới góc độ từ loại, có thể thấy khả năng kết hợp của từng phụ tố với một số từ loại nhất định. Nhìn chung, các tiền tố **pa** (**paq**) và **ta** thường thấy kết hợp với các tính từ (và những từ có cùng bản chất từ loại với tính từ), tiền tố **xa** và trung tố **an** thường xuất hiện trong kết hợp với các động từ (và những từ có cùng bản chất từ loại với động từ). Tuy nhiên, theo tư liệu của chúng tôi, riêng từ **rao** tiếng Bhnong (nghĩa tiếng Việt là “rửa”) lại cho phép tiền tố **pa** kết hợp để tạo thành từ phái sinh **parao** (nghĩa tiếng Việt là ‘rửa cho’). Điều này rất có thể là do chịu tác động

của quy luật ngữ âm của tiếng Bhnong (như đồng hóa hay dị hóa) giữa phụ âm đầu của tiền tố và phụ âm đầu của chính tố. Tuy nhiên, đây là một chủ đề sẽ được chúng tôi bàn luận vào một dịp khác. Tiếp theo, tiền tố **ung** chỉ kết hợp với các từ chỉ định **ô**, **hạu**, **lông**, **tiêh**, **i** để tạo thành các từ phái sinh có nghĩa chỉ trở vị trí của vật.

Trong tiếng Bhnong, có một từ có cấu tạo gồm **ung** + **đhuq** tạo thành **ung đhuq**, với ý nghĩa tương đương các từ “cậu bé, thằng bé, đứa bé” trong tiếng Việt. Tuy nhiên, **ung**

trong **ung dhuq** và **ung** trong các kết hợp **ung ô, ung haur, ung lông, ung tiêh, ung i** là hai yếu tố đồng âm, vì **dhuq** chỉ xuất hiện trong tổ hợp này, và vì **dhuq** không thể là một từ chỉ định.

Thêm nữa, sự xuất hiện của phụ tố (tiền tố, trung tố) đã làm cho ý nghĩa của từ phái sinh biến đổi theo các hướng, cụ thể như sau:

- Từ ý nghĩa chỉ tính chất, trạng thái, tâm lí, v.v... biến đổi thành ý nghĩa chỉ hoạt động (vận động, chuyển động), hay, nói cách khác, từ các tính từ biến đổi thành các động từ. Đây là trường hợp những từ phái sinh có cấu tạo tiền tố **pa (paq)** và **ta** cộng với chính tố.

- Ngược lại, từ ý nghĩa chỉ hoạt động (vận động, chuyển động) biến đổi thành ý nghĩa định danh (gọi tên, đặt tên) cho chính hành động đó hay vật dụng để thực hiện hành động đó. Đây là trường hợp những từ phái sinh có sự xuất hiện của trung tố **an**.

- Tiền tố **xa** khác hẳn với các phụ tố khác trong tiếng Bhnong ở chỗ nó làm cho từ phái sinh mang ý nghĩa tương hỗ qua lại với nhau.

3.3. Từ phái sinh tiếng Bhnong xét ở bình diện ngữ pháp

Các đặc điểm ngữ pháp của từ phái sinh tiếng Bhnong được chúng tôi phân tích ở hai khía cạnh, thứ nhất, những kiểu loại câu mà

chúng xuất hiện và, thứ hai, chức vụ ngữ pháp của chúng trong câu.

Nhìn chung, từ phái sinh tiếng Bhnong thường xuất hiện ở nhiều kiểu câu khác nhau tùy theo từ phái sinh đó được cấu tạo bởi phụ tố gì. Cụ thể:

Các từ phái sinh có cấu tạo gồm một chính tố và các tiền tố **pa (paq), ta, xa** xuất hiện ở trong câu cầu khiến (và/ hay câu mệnh lệnh), câu trần thuật. Ở cả hai kiểu câu này, từ phái sinh xuất hiện với vai trò vị ngữ của câu (Ví dụ Bảng 6).

Các từ phái sinh có cấu tạo gồm một chính tố và tiền tố **ung** xuất hiện trong câu trần thuật và câu hỏi, và chúng làm chủ ngữ của câu (Ví dụ Bảng 7 và Bảng 8).

Các từ phái sinh có sự hiện diện của trung tố **an** thường xuất hiện trong câu trần thuật, và làm chủ ngữ và/ hoặc vị ngữ của câu.

Quan sát các câu tiếng Bhnong ở trên có thể thấy một đặc điểm ngữ nghĩa – ngữ pháp khác nữa của (các) từ phái sinh tiếng Bhnong: câu cầu khiến và câu trần thuật có vị ngữ là từ phái sinh sẽ không cần sự có mặt của chủ ngữ và bổ ngữ nếu người nói đưa ra yêu cầu (mệnh lệnh), và ngược lại, thường có mặt chủ ngữ và bổ ngữ xuất hiện trong câu có từ phái sinh làm vị ngữ khi một người khác đưa ra yêu cầu (mệnh lệnh) đối với chủ thể hành động.

Bảng 6. Những từ phái sinh cấu tạo theo mô hình một chính tố cộng với một tiền tố *pa (paq), ta* hoặc *xa* và làm vị ngữ trong các loại câu cầu khiến, câu mệnh lệnh, câu trần thuật trong tiếng Bhnong

Câu tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt	Kí hiệu
<i>Mẹm, parao ti kon!</i>	Mẹ, rửa tay cho con.	(1)
<i>Chuoq đhoh au mọm pakoy!</i>	Đề mẹ đội (± mũ) cho!	(2)
<i>Đhoh mọm paxop!</i>	Đề mẹ mặc (± áo) cho!	(3)
<i>Bhaq: Uh, klep kadhuq ki. Hme hlăq zuông.</i>	Bố: Ồi, đau bụng quá. Không dậy được.	
<i>Kon: Chuoq đhoh kon pọq pazuông.</i>	Con: Đề cho con nâng dậy (± cho)!	(4)
<i>Hnhộng kalolo: Au pahum mi, ung dhuq ?</i>	Anh: Anh tắm cho em, em nhé ?	
<i>Ăh: Maq. Au hum oyh đhêq.</i>	Em: Đừng. Em tắm một mình được.	(5)

Bảng 7. Từ phái sinh cấu tạo theo mô hình một chính tố cộng với một tiền tố *ung* và làm chủ ngữ trong câu trần thuật trong tiếng Bhnong

Câu trần thuật tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt
<i>Ung ô nhiêh. Ung hạu pool vah goq.</i> <i>Ung tiêh hlong.</i>	Đây là nhà. Kia là núi và rừng. Kia là cây.

Bảng 8. Từ phái sinh cấu tạo theo mô hình một chính tố cộng với một tiền tố *ung* và làm chủ ngữ trong câu hỏi trong tiếng Bhnong

Câu hỏi tiếng Bhnong	Nghĩa tiếng Việt
<i>Ung lông karəm neq ?</i>	Kia là cái gì?

4. KẾT LUẬN

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu bước đầu về phương thức cấu tạo từ bằng phụ tố trong tiếng Bhnong hiện nay ở các bình diện ngữ âm – từ vựng – ngữ pháp góp phần nghiên cứu các phương thức cấu tạo từ của tiếng Bhnong. Kết quả cho thấy, một từ phái sinh của tiếng Bhnong không có sự xuất hiện đồng thời hơn một phụ tố kết hợp với một chính tố, không thấy có một từ phái sinh nào đồng thời có cả tiền tố lẫn trung tố, và cũng không thấy có một từ phái sinh nào có cấu tạo gồm từ hơn một chính tố cộng với hơn một phụ tố. Đây là một đặc điểm loại hình của tiếng Bhnong, và rất có thể đây cũng là một đặc điểm loại hình của nhiều ngôn ngữ đơn lập khác kiểu như tiếng Bhnong hiện có phương thức tạo từ bằng phụ tố ở trong đất nước Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Chúng tôi sẽ chứng minh đặc điểm này ở trong nhiều ngôn ngữ đơn lập trong một dịp khác. Trong phạm vi bài này, chúng tôi kết luận tiếng Bhnong là một ngôn ngữ đơn lập có phụ tố và thuộc nhóm các ngôn ngữ đơn lập có phụ tố ở đất nước Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Đăng Bình. (2011a). *Chữ viết Bhnong*. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học Việt Nam – UBND huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Bùi Đăng Bình. (2011b). *Tiếng Bhnong (Bhơu Bhnong)*. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học Việt Nam – UBND huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Bùi Đăng Bình. (2011c). *Từ điển Việt-Bhnong*. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học Việt Nam – UBND huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Bùi Đăng Bình. (2011d). *Sách Bài tập tiếng Bhnong*. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học Việt Nam – UBND huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Bùi Đăng Bình. (2011e). Tiếng Bhnong trong tiến trình trở thành ngôn ngữ thành văn. *Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học toàn quốc 2011*, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam – Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng, Đà Nẵng.

Bùi Đăng Bình. (2012). Chính tả cho các từ của tiếng Bhnong. *Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư*, Số 1(15), 1-2012, 24-30 & Số 2(16), 3-2012, 28-34.

Bùi Đăng Bình. (2013). Xây dựng ngôn ngữ thành văn cho các dân tộc thiểu số: Trường hợp tiếng Bhnong (Quảng Nam). *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, Số 1-2013(361), 42-49.

- Bùi Đăng Bình. (2020a). Hệ thống phụ âm tiếng Bhnong ở tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, 7-2020 (451), 53-58.
- Bùi Đăng Bình. (2020b). *Ngữ âm tiếng Bhnong qua các thổ ngữ*. Luận văn Thạc sĩ, chuyên ngành ngôn ngữ học. Mã số 60220240. Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Bùi Đăng Bình. (2022a). Tiếng Triêng: Các phụ âm. *Tạp chí Kinh doanh & Công nghệ*, Số 23/2022, 79-95.
- Bùi Đăng Bình. (2022b). Hệ thống nguyên âm tiếng Bhnong qua một số thổ ngữ. *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, 12-2022 (480), 46-52.
- Bùi Đăng Bình. (2022c). Bước đầu miêu tả ngữ âm tiếng Ve ở tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Ngôn ngữ*, Số 10, 71-80.
- Đoàn Văn Phúc. (2013). Dự án *Điều tra bổ sung, nghiên cứu tiếng Pa cô, Ta ôi, Cơ ho, Giẻ Triêng, Xtiêng góp phần xác định thành phần dân tộc*. Chuyên đề 3 “Đặc điểm tiếng Giẻ trên các bình diện cấu trúc, xã hội ngôn ngữ học và quan hệ cộng nguồn”; Chuyên đề 4 “Đặc điểm tiếng Triêng trên các bình diện cấu trúc, xã hội ngôn ngữ học và quan hệ cộng nguồn”. Ủy ban Dân tộc, Hà Nội.
- Hoàng Văn Ma. (2011). *Ngữ pháp tiếng Bhnong*. UBND huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam.
- Hồ Xuân Kiều. (1988). Góp thêm một vài ý kiến xung quanh vấn đề xác định vị trí của tiếng Pơ noong trong các ngôn ngữ Bahnar Bắc. Trong Viện Ngôn ngữ học, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, “*Những vấn đề ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á*”, tr.66-85. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Văn Lợi. (1977). Sự phân loại và tình hình phân bố ngôn ngữ các dân tộc ở miền Nam nước ta. *Tạp chí Ngôn ngữ*, N01 H., 41-54.
- Nguyễn Hữu Hoàn. (2004). Về mối quan hệ ngôn ngữ giữa các nhóm địa phương thuộc dân tộc Giẻ Triêng. *Tạp chí Ngôn ngữ*, Số 7-2004, 60-68.
- Nguyễn Văn Thanh. (2006). *Nguồn gốc dân tộc – dân cư và quá trình hình thành thôn, xã thuộc huyện Phước Sơn Quảng Nam*. Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Quảng Nam, Quảng Nam.
- Tổng cục Thống kê. (1979). *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam*, Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/03/1979, Hà Nội.
- Vũ Đình Lợi. (1978). Vài nét về xã hội nhóm người Banoong ở Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Thông báo Dân tộc học, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
- Vũ Đình Lợi (1979), *Về nhóm người gọi là “Banoong” ở Quảng Nam – Đà Nẵng*, Thông báo Dân tộc học, Viện Dân tộc học, Hà Nội.